



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

MỤC LỤC	Trang
---------	-------

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2022 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.38554 645 - 028.38553 118
- Fax: (84) 028.38564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Cho thuê văn phòng;
- ...

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục	52,77%

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 222 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 16 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Từ Trung Đan	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Đỗ Thành Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Ông Nguyễn Văn Cung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020
• Ông Phan Kế Thái	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14/04/2023

Ban Kiểm soát

• Bà Bùi Thị Ánh Tuyết	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020
• Bà Nguyễn Thị Nhớ	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020
• Bà Đào Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 11/07/2024
• Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020
• Ông Mai Tấn Phát	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24/07/2023
• Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 942 /2024/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 08/ 8 /2024 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tuấn – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKKH kiểm toán: 1031-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 8 năm 2024

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.512.794.317	168.435.795.197
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	8.654.115.033	35.648.745.177
1. Tiền	111		6.819.067.370	8.130.579.932
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.835.047.663	27.518.165.245
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.298.265.859	8.111.018.086
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	8.298.265.859	8.111.018.086
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.141.985.654	39.239.533.807
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	26.075.608.762	38.858.209.982
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	438.319.912	1.076.687.012
3. Các khoản phải thu khác	136	9	373.549.704	255.385.966
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(745.492.724)	(950.749.153)
IV. Hàng tồn kho	140	11	177.484.075.198	82.804.895.720
1. Hàng tồn kho	141		182.420.836.418	88.233.205.642
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.936.761.220)	(5.428.309.922)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		934.352.573	2.631.602.407
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	934.352.573	1.548.425.088
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	-	1.083.177.319
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			39.980.615.410	40.257.703.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.318.596	19.318.596
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		19.318.596	19.318.596
II. Tài sản cố định	220		29.377.747.572	30.173.610.534
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	29.377.747.572	30.173.610.534
- Nguyên giá	222		74.413.416.431	73.569.257.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.035.668.859)	(43.395.647.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		696.540.000	696.540.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(696.540.000)	(696.540.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		475.382.221	443.472.222
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	475.382.221	443.472.222
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		490.000.000	490.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.618.167.021	9.131.302.376
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	9.618.167.021	9.131.302.376
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		261.493.409.727	208.693.498.925

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
C. Nợ phải trả	300		129.684.745.517	72.392.854.694
I. Nợ ngắn hạn	310		129.684.745.517	72.315.854.694
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	105.441.072.137	24.568.178.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	3.001.404.368	903.153.349
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	18	1.689.542.322	993.891.358
4. Phải trả người lao động	314		3.450.270.384	23.513.023.263
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	204.137.129	3.865.457.651
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		301.056.000	1.297.222.700
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	725.551.928	826.826.412
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	1.149.750.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		13.721.961.249	16.348.101.530
II Nợ dài hạn	330		-	77.000.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	77.000.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		131.808.664.210	136.300.644.231
I. Vốn chủ sở hữu	410		131.808.664.210	136.300.644.231
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	22	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	22	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	48.155.058.205	48.155.058.205
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	3.876.700.321	8.318.142.000
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		386.400.000	386.400.000
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.490.300.321	7.931.742.000
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	23	2.821.142.145	2.871.680.487
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		261.493.409.727	208.693.498.925



Tổng Giám đốc

Tà Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Thanh Tuyền

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	25	127.842.500.203	137.853.016.684
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	89.590.475	40.424.333
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		127.752.909.728	137.812.592.351
4. Giá vốn hàng bán	11	27	102.025.153.516	105.828.661.389
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		25.727.756.212	31.983.930.962
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	460.605.045	744.567.587
7. Chi phí tài chính	22		3.465.000	3.246
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.465.000	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	29.a	9.884.374.022	10.670.315.061
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	12.397.344.343	16.186.492.126
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.903.177.892	5.871.688.116
12. Thu nhập khác	31	30	632.978.970	382.056.849
13. Chi phí khác	32		52.353.686	1.375.206
14. Lợi nhuận khác	40		580.625.284	380.681.643
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.483.803.176	6.252.369.759
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	698.241.197	909.223.405
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.785.561.979	5.343.146.354
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		3.490.300.321	5.082.443.064
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		295.261.658	260.703.290
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	616	621
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	616	621



Tổng Giám đốc

Fir Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Thanh Tuyền

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Mẫu số B 03 – DN/HN

Ban hành theo Thông tư

số 202/2014/TT - BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.483.803.176	6.252.369.759
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,13	1.640.021.794	1.800.541.256
- Các khoản dự phòng	03		(696.805.131)	(3.038.112.816)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(380.779)	3.246
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(447.031.799)	(730.653.444)
- Chi phí lãi vay	06		3.465.000	-
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		4.983.072.261	4.284.148.001
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.443.349.092	14.919.171.537
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(94.187.630.776)	(83.635.008.088)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		58.756.265.222	54.780.985.439
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15	95.297.871	416.321.984
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.425.500)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	18	(688.664.815)	(1.143.508.656)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		23.000.000	50.000.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.649.140.281)	(3.147.285.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(19.226.876.926)	(13.475.175.383)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(969.089.832)	(463.457.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(187.247.773)	(191.919.192)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		514.595.608	752.903.999
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(641.741.997)	97.527.807
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	1.149.750.000	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20,22	(8.276.142.000)	(8.276.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.126.392.000)	(8.276.142.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(26.995.010.923)	(21.653.789.576)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	35.648.745.177	33.574.451.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		380.779	(3.246)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	8.654.115.033	11.920.658.638



Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Thanh Tuyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12/09/2022 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Cho thuê văn phòng;
- ...

1.3. Cấu trúc Doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty không tái cấu trúc.

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 (bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;

Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo) (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa, hoạt động giáo dục thuộc đối tượng không chịu thuế; Các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Mỗi quan hệ là bên liên quan cũng hình thành giữa 02 Công ty cùng chịu sự kiểm soát chung của tập đoàn hoặc giữa 02 Công ty cùng chịu ảnh hưởng đáng kể bởi 01 cá nhân (là cổ đông/nhóm cổ đông/người lãnh đạo).

Đơn vị tính: VNĐ

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024	01/01/2024
Tiền mặt	216.033.056	334.845.670
Tiền gửi ngân hàng	6.603.034.314	7.795.734.262
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	1.835.047.663	27.518.165.245
Cộng	8.654.115.033	35.648.745.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	8.298.265.859	-	8.111.018.086	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	8.298.265.859	-	8.111.018.086	-
Cộng	8.298.265.859	-	8.111.018.086	-

Tại thời điểm 30/06/2024, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024				01/01/2024	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác			490.000.000	-	490.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
Cộng			490.000.000	-	490.000.000	-

Cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

7. Phải thu ngắn hạn khách hàng

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	4.757.909.519	343.000.971
Cửa hàng Hồng Hà	2.717.368.184	515.819.999
Công ty TNHH Công nghệ số Việt Sin	2.709.562.895	1.521.563.215
Các đối tượng khác	15.890.768.164	36.477.825.797
Cộng	26.075.608.762	38.858.209.982

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty mẹ	4.757.909.519	343.000.971
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty mẹ	5.997.255	13.871.460
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty mẹ	518.321.510	484.399.707
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty mẹ	460.550.914	692.912.697
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	-	86.745.192
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung công ty mẹ	19.633.591	6.568.871
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ	8.826.300	-

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Vĩnh Minh Hưng	162.044.607	-
Công ty TNHH Đo đạc Thiết kế Xây dựng Phú Thiện	79.073.280	79.073.280
Công ty TNHH TV TK XD Gia Phát	75.000.000	6.700.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại SQ HOME	49.931.000	-
Các đối tượng khác	72.271.025	990.913.732
Cộng	438.319.912	1.076.687.012

9. Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	36.309.977	-	103.873.786	-
Tạm ứng	229.587.970	-	78.977.920	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.333.049	-	10.000.000	-
Phải thu khác	93.318.708	-	62.534.260	-
Cộng	373.549.704	-	255.385.966	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/06/2024	01/01/2024
Dự phòng khoản phải thu quá hạn		
- Từ 3 năm trở lên	(611.158.312)	(819.537.017)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(90.757.497)	(73.019.855)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(43.576.915)	(58.192.281)
Số dư cuối kỳ	(745.492.724)	(950.749.153)

11. Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.595.175.295	(304.537.007)	7.863.541.481	(91.516.214)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.472.120.971	-	4.072.372.072	-
Thành phẩm	22.195.194.050	(2.135.019.639)	16.780.950.546	(1.991.048.329)
Hàng hóa	149.158.346.102	(2.497.204.574)	59.516.341.543	(3.345.745.379)
Cộng	182.420.836.418	(4.936.761.220)	88.233.205.642	(5.428.309.922)

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 30/06/2024 là 5.721.553.348 đồng.
- Tại thời điểm 30/06/2024, không có hàng tồn kho đã cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	46.306.399.309	13.895.306.399	11.305.016.363	2.062.535.528	73.569.257.599
Tăng trong kỳ	-	-	844.158.832	-	844.158.832
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	46.306.399.309	13.895.306.399	12.149.175.195	2.062.535.528	74.413.416.431
Khấu hao					
Số đầu kỳ	20.465.175.080	12.045.404.101	9.186.464.455	1.698.603.429	43.395.647.065
Tăng trong kỳ	600.157.692	479.815.081	490.103.688	69.945.333	1.640.021.794
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	21.065.332.772	12.525.219.182	9.676.568.143	1.768.548.762	45.035.668.859
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	25.841.224.229	1.849.902.298	2.118.551.908	363.932.099	30.173.610.534
Số cuối kỳ	25.241.066.537	1.370.087.217	2.472.607.052	293.986.766	29.377.747.572

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ phải trả tại ngày 30/06/2024.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 22.075.457.231 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm kế toán	Phần mềm Website	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Mua trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Khấu hao			
Số đầu kỳ	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	666.540.000	30.000.000	696.540.000
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	-	-

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 696.540.000 đồng.

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024	01/01/2024
Tư vấn pháp lý quyền sử dụng đất tại 223 Nguyễn Tri Phương	300.000.000	300.000.000
Tư vấn xây dựng hệ thống định mức lao động cho xí nghiệp	143.472.222	143.472.222
Sửa chữa hàng rào Chi nhánh Công ty tại Bình Dương	31.909.999	-
Cộng	475.382.221	443.472.222

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	109.537.429	112.318.273
Chi phí sửa chữa (An Đông)	48.131.469	80.006.718
Chi phí sửa chữa 223 Nguyễn Tri Phương	54.014.990	118.924.151
Chi phí bảo hiểm (An Đông)	124.513.200	170.780.400
Chi phí trả trước khác	598.155.485	1.066.395.546
Cộng	934.352.573	1.548.425.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	635.841.134	672.976.730
Chi phí phân bổ tại 104/5 Mai Thị Lựu	1.680.325.492	1.706.580.580
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	78.947.140	131.578.563
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	6.156.339.375	6.251.052.291
Sửa chữa nhà kho tại Bình Dương	810.626.666	46.060.382
Chi phí trả trước dài hạn khác	256.087.214	323.053.830
Cộng	9.618.167.021	9.131.302.376

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	88.280.766.109	-
Các đối tượng khác	17.160.306.028	24.568.178.431
Cộng	105.441.072.137	24.568.178.431

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2024	01/01/2024
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ	-	994.463.730
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	88.280.766.109	-

17. Người mua trả tiền trước

	30/06/2024	01/01/2024
Công ty TNHH Hitec	170.191.896	138.287.753
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục quốc tế Hoàng Gia	157.983.595	-
Các đối tượng khác	2.673.228.877	764.865.596
Cộng	3.001.404.368	903.153.349

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	764.857.208	-	1.220.146.449	1.906.622.624	78.381.033	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	221.865.869	-	698.241.197	688.664.815	231.442.251	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.168.281	416.205.918	2.042.692.531	1.564.411.039	69.243.855	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	666.971.401	4.886.789.846	2.909.343.262	1.310.475.183	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Cộng	993.891.358	1.083.177.319	8.858.870.023	7.080.041.740	1.689.542.322	-

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Trích trước chi phí bán hàng	167.017.187	3.707.960.890
Lãi dự trả	1.039.500	-
Trích trước chi phí khác	36.080.442	157.496.761
Cộng	204.137.129	3.865.457.651

20. Phải trả khác ngắn hạn

	30/06/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	42.557.998	8.500.830
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	170.500.000	93.500.000
Cổ tức phải trả	22.137.557	20.737.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	490.356.373	704.088.025
- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	330.648.600	529.461.400
- Phải trả khác	159.707.773	174.626.625
Cộng	725.551.928	826.826.412

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 5 TP. Hồ Chí Minh	-	1.149.750.000	-	1.149.750.000
Cộng	-	1.149.750.000	-	1.149.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 5 thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 030/2024 – HĐCVHM/NHCT920-08-STB ngày 11/06/2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 – 2025. Hạn mức cho vay của Hợp đồng tại mọi thời điểm không vượt quá 30.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức được tính từ ngày 11/06/2024 đến ngày 29/05/2025. Thời hạn cho vay tối đa không quá 6 tháng. Lãi suất thả nổi và được điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 (một) hàng tháng. Lãi suất lần nhận nợ đầu tiên là 5,5%/năm. Hợp đồng tín dụng không có đảm bảo.

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số tại 01/01/2023	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	45.522.654.073	8.318.142.000
Tăng trong năm	-	-	-	2.632.404.132	14.915.231.685
Giảm trong năm	-	-	-	-	14.915.231.685
Số tại 31/12/2023	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	48.155.058.205	8.318.142.000
Số tại 01/01/2024	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	48.155.058.205	8.318.142.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	3.490.300.321
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.931.742.000
Số tại 30/06/2024	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	48.155.058.205	3.876.700.321

b. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	8.318.142.000	8.318.142.000
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	3.490.300.321	5.082.443.064
Phân phối lợi nhuận	7.931.742.000	7.931.742.000
- Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	7.931.742.000	7.931.742.000
+ Chia cổ tức	7.931.742.000	7.931.742.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	3.876.700.321	5.468.843.064

(*) Lợi nhuận sau thuế năm 2023 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 11/04/2024.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 11/04/2024 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 14%, tương ứng 7.931.742.000 đồng. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong 6 tháng đầu năm 2024.

23. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	2.871.680.487	2.871.680.487
Điều chỉnh LICĐTS năm trước	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	295.261.658	260.703.290
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	345.800.000	345.800.000
- Giảm do chia cổ tức	345.800.000	345.800.000
- Giảm do KQ HĐKD của Công ty con lỗ	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày cuối kỳ	2.821.142.145	2.786.583.777

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ

	30/06/2024 USD	01/01/2024 USD
Tiền gửi ngân hàng	324,62	324,62

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2024 VNĐ	01/01/2024 VNĐ
Tiền học phí phải thu học sinh	153.403.000	153.403.000
Nợ phải thu đã trích lập dự phòng	222.361.195	-

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	48.619.674.933	54.454.266.949
Doanh thu thiết bị giáo dục	61.880.533.431	67.590.637.618
Doanh thu hoạt động dạy học	16.094.967.014	14.609.785.750
Doanh thu khác	1.247.324.825	1.198.326.367
Cộng	127.842.500.203	137.853.016.684

26. Các khoản giảm trừ doanh thu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Hàng bán bị trả lại: sách và sản phẩm in	526.000	26.386.810
Hàng bán bị trả lại: thiết bị giáo dục	89.064.475	14.037.523
	89.590.475	40.424.333

27. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Giá vốn sách và sản phẩm in	45.497.092.525	49.337.669.286
Giá vốn thiết bị giáo dục	44.373.917.395	46.734.410.975
Giá vốn hoạt động dạy học	10.684.595.201	9.697.473.948
Giá vốn khác	1.961.097.097	4.060.880.087
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(491.548.702)	(4.001.772.907)
Cộng	102.025.153.516	105.828.661.389

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lãi tiền gửi, lãi tạm ứng theo hợp đồng	383.331.799	671.853.444
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	63.700.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	13.192.467	13.914.143
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	380.779	-
Cộng	460.605.045	744.567.587

29. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương, các khoản trích theo lương	4.451.669.801	7.617.937.957
Khấu hao TSCĐ	222.750.502	226.430.637
Chi phí vận chuyển	1.214.674.701	1.168.971.916
Tiền thuê đất	2.668.204.524	609.845.153
Các khoản khác	1.327.074.494	1.047.129.398
Cộng	9.884.374.022	10.670.315.061

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tiền lương, các khoản trích theo lương	7.214.762.612	8.739.776.120
Khấu hao TSCĐ	509.754.269	545.816.629
Thù lao HĐQT, BKS	234.111.700	350.000.000
Tiền thuê đất	375.966.086	1.269.502.032
Các khoản khác	4.062.749.676	5.281.397.345
Cộng	12.397.344.343	16.186.492.126

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	36.994.799	141.910.509
Cho thuê mặt bằng	448.272.734	227.800.001
Các khoản khác	147.711.437	12.346.339
Cộng	632.978.970	382.056.849

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.483.803.176	6.252.369.759
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	2.805.549.122	3.742.473.442
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.678.254.054	2.509.896.317
Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN	182.895.649	203.336.537
- Các khoản điều chỉnh tăng	246.976.428	262.136.537
+ Chi phí không được trừ	246.976.428	262.133.291
+ Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	-	3.246
- Các khoản điều chỉnh giảm	64.080.779	58.800.000
+ Cổ tức được chia	63.700.000	58.800.000
+ Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	380.779	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.666.698.825	6.455.706.296
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	2.881.393.540	3.819.178.551
- Hoạt động khác không được ưu đãi	1.785.305.285	2.636.527.745
- Hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	645.200.411	909.223.405
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	288.139.354	381.917.856
- Hoạt động khác không được ưu đãi	357.061.057	527.305.549
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	698.241.197	909.223.405
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	645.200.411	909.223.405
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	53.040.786	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.490.300.321	5.082.443.064
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	(1.562.124.033)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (phân bổ tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm 2023)	-	1.562.124.033
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.490.300.321	3.520.319.031
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	616	621

Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2023 thay đổi do điều chỉnh khoản giảm trừ từ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi vào lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 11/04/2024.

Tại thời điểm lập báo cáo, chưa có quyết định phê duyệt tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2024 và việc trích lập các quỹ được thực hiện vào cuối niên độ. Do đó, lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2024 được tính khi chưa trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Theo đó, chỉ tiêu lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu 6 tháng đầu năm 2024 có thể thay đổi tùy thuộc vào quyết định phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông sau này về mức trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi.

33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.896.432.880	9.519.696.588
Chi phí nhân công	23.401.163.338	28.186.383.549
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.640.021.794	1.800.541.256
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.960.685.362	7.858.201.878
Chi phí khác bằng tiền	5.163.105.386	6.401.336.024
Cộng	51.061.408.760	53.766.159.295

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu năm 2024	Hoạt động đạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	16.094.967.014	61.880.533.431	49.866.999.758	127.842.500.203
Các khoản giảm trừ	-	89.064.475	526.000	89.590.475
Giá vốn hàng bán	10.684.595.201	43.943.852.824	47.396.705.491	102.025.153.516
Chi phí bán hàng	-	8.682.835.831	1.201.538.191	9.884.374.022
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.787.974.916	6.684.379.341	924.990.086	12.397.344.343
Chi phí lãi vay thuần	(66.981.273)	(274.430.158)	(38.455.368)	(379.866.799)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	69.529.915	7.743.331	77.273.246
Thu nhập khác		23.423.873	609.555.096	632.978.970
Chi phí khác			52.353.686	52.353.686
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	689.378.170	2.847.784.906	946.640.099	4.483.803.176
Tài sản và Nợ phải trả tại 30/06/2024				
Phải thu của khách hàng	602.772.800	21.064.587.747	3.662.755.491	25.330.116.038
Hàng tồn kho	696.341.189	58.372.599.455	118.415.134.554	177.484.075.198
Tài sản cố định				29.377.747.572
- Tài sản cố định của bộ phận	944.703.745	14.657.173.229	208.102.714	15.809.979.688
+ Nguyên giá	2.352.202.080	39.816.736.853	403.400.000	42.572.338.933
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.407.498.335)	(25.159.563.624)	(195.297.286)	(26.762.359.245)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	13.567.767.884
+ Nguyên giá	-	-	-	32.537.617.498
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(18.969.849.614)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	29.301.470.919
Tổng Tài sản				261.493.409.727
Phải trả người bán	430.194.161	10.112.670.599	94.898.207.377	105.441.072.137
Nợ phải trả không phân bổ				24.243.673.380
Tổng Nợ phải trả				129.684.745.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu năm 2023	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	14.609.785.750	67.590.637.618	55.652.593.316	137.853.016.684
Các khoản giảm trừ	-	14.037.523	26.386.810	40.424.333
Giá vốn hàng bán	9.697.473.948	43.018.100.805	53.113.086.636	105.828.661.389
Chi phí bán hàng	-	9.679.765.488	990.549.573	10.670.315.061
Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.182.093.970	10.890.002.620	1.114.395.536	16.186.492.126
Chi phí lãi vay thuần	(105.962.635)	(513.357.880)	(52.532.929)	(671.853.444)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	67.252.360	5.458.537	72.710.897
Thu nhập khác		131.745.150	250.311.699	382.056.849
Chi phí khác			1.375.206	1.375.206
Lãi (lỗ) trong công ty liên kết				-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	836.180.467	4.701.086.572	715.102.720	6.252.369.759
Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2023				
Phải thu của khách hàng	810.871.201	34.825.976.421	2.270.613.207	37.907.460.829
Hàng tồn kho	821.890.256	56.258.279.483	25.724.725.981	82.804.895.720
Tài sản cố định hữu hình				30.173.610.534
- Tài sản cố định HH của bộ phận	261.635.389	15.331.453.890	261.999.142	15.855.088.421
+ Nguyên giá	1.508.043.248	39.816.736.853	403.400.000	41.728.180.101
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(1.246.407.859)	(24.485.282.963)	(141.400.858)	(25.873.091.680)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	14.318.522.113
+ Nguyên giá	-	-	-	32.537.617.498
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(18.219.095.385)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	57.807.531.842
Tổng Tài sản				208.693.498.925
Phải trả người bán	321.146.873	20.655.381.019	3.591.650.539	24.568.178.431
Nợ phải trả không phân bổ				47.824.676.263
Tổng Nợ phải trả				72.392.854.694

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay ngắn hạn đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Các giao dịch này rất ít phát sinh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2024	01/01/2024
	USD	USD
Tiền gửi ngân hàng	324,62	324,62

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	105.441.072.137	-	105.441.072.137
Chi phí phải trả	204.137.129	-	204.137.129
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.149.750.000	-	1.149.750.000
Phải trả khác	682.993.930	-	682.993.930
Cộng	107.477.953.196	-	107.477.953.196
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	24.568.178.431	-	24.568.178.431
Chi phí phải trả	3.865.457.651	-	3.865.457.651
Phải trả khác	818.325.582	77.000.000	895.325.582
Cộng	29.251.961.664	77.000.000	29.328.961.664

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng rủi ro thanh khoản của Công ty trong ngắn hạn là tạm thời kiểm soát được. Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	8.654.115.033	-	8.654.115.033
Phải thu khách hàng	25.330.116.038	-	25.330.116.038
Đầu tư tài chính	8.298.265.859	490.000.000	8.788.265.859
Phải thu khác	143.961.734	19.318.596	163.280.330
Cộng	42.426.458.664	509.318.596	42.935.777.260
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	35.648.745.177	-	35.648.745.177
Phải thu khách hàng	37.907.460.829	-	37.907.460.829
Đầu tư tài chính	8.111.018.086	490.000.000	8.601.018.086
Phải thu khác	176.408.046	19.318.596	195.726.642
Cộng	81.843.632.138	509.318.596	82.352.950.734

36. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 30/06/2024, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSĐĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m2 đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTD/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m2 đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m2 đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m2 đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m2 đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

37. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty mẹ
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty mẹ
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung chủ tịch HĐQT
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông	Chung công ty mẹ
Công nghệ Giáo dục	

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	35.600.000	17.800.000
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách giáo khoa, sách tham khảo	65.122.240	18.168.810.580
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo,...	126.464.143.770	118.341.153.165

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Giao dịch	Nội dung	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Bán hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sách, thiết bị	123.715.190	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Sách, thiết bị	7.392.709.316	7.278.037.136
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	8.460.485	10.188.430
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách, thiết bị, đĩa	20.827.554.749	7.331.206.228
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Thiết bị	911.299.995	1.476.644.450
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Thiết bị	475.199.037	729.232.705
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Thiết bị	177.706.663	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Thiết bị	98.800.537	6.085.933

c. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương Ban Tổng Giám đốc

Chi phí thù lao Hội đồng quản trị phải trả

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Ông Nguyễn Chí Bính	Chủ tịch HĐQT	32.069.000	53.520.700
Ông Đỗ Thành Lâm	TV HĐQT	21.379.300	35.680.500
Ông Nguyễn Văn Cung	TV HĐQT	21.379.300	35.680.500
Ông Từ Trung Đan	TV HĐQT	21.379.300	35.680.500
Ông Phan Kế Thái	TV HĐQT	21.379.300	14.668.600
Cộng		117.586.200	175.230.800

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
--	----------------------	----------------------

Chi phí thù lao Ban kiểm soát phải trả	42.758.600	71.360.900
---	-------------------	-------------------

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc

	Chức vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Ông Từ Trung Đan	Tổng Giám đốc	353.641.448	374.230.081
Bà Đỗ Thị Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	229.865.027	241.369.101
Ông Phan Xuân Hiến	Phó Tổng Giám đốc	263.690.012	276.355.172
Ông Mai Tấn Phát	Phó Tổng Giám đốc	201.249.516	-
Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh	Kế toán trưởng	231.487.027	241.369.101
Cộng		1.279.933.030	1.133.323.455

38. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2023. Các Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Tô Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2024

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Thanh Tuyền



Trụ sở chính tại Đà Nẵng

Lô 78-80, Đường 30/4,
Tp. Đà Nẵng, Việt Nam
Tel : +(84-236) 3655 886
Fax: +(84-236) 3655 887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +(84-28) 3910 2235
Fax: +(84-28) 3910 2349
Email: aac.hcm@aac.vnn.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 6, tòa nhà Việt Á
Số 09 Duy Tân, Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +(84-24) 3224 2403
Fax: +(84-24) 3224 2402
Email: aac.hn@aac.com.vn

Thành viên

